

CẬP NHẬT NÂNG HẠNG FTSE SECONDARY EMERGING MARKET



Quý độc giả có thể tham khảo báo cáo lần đầu tại [đây](#).

FTSE đã nâng Việt Nam từ “cận biên” lên “mới nổi thứ cấp”, nhưng kèm điều kiện kiểm tra giữa kỳ. Văn bản chính thức của FTSE/LSEG ghi rõ: “Hiệu lực từ Thứ Hai 21/09/2026, subject to an interim review in March 2026”. Nói dễ hiểu: **tháng 3/2026 FTSE sẽ như một giai đoạn lâm thời để “rà soát lại”** một lần nữa, cùng với đó là kiểm tra tiến độ mở quyền giao dịch qua global brokers **trước khi cho phép triển khai thực tế từ 21/09/2026** và sẽ công bố kế hoạch chia đợt (phased implementation) trong thông báo tháng 3/2026. Tra cứu các hồ sơ nâng hạng trước đây (Kuwait, Romania, Saudi Arabia) không thấy tiền lệ nào vừa công bố nâng hạng vừa ràng buộc một “interim review” trước ngày hiệu lực; vì vậy, với bằng chứng công khai hiện có, Việt Nam nhiều khả năng là ca đầu tiên FTSE áp cơ chế này.

Dòng tiền vào: **chủ động có thể “đi trước”, thụ động sẽ “đi đúng lịch”**. HSBC ước tính tổng dòng vốn vào nhờ nâng hạng khoảng 3,4 tỷ USD, trong đó ~1,5 tỷ USD là thụ động (passive) khi quá trình thêm vào rổ hoàn tất; phần còn lại ~1,9 tỷ USD là chủ động (active) (nguồn tại [đây](#)) — tương đương passive ~44% / active ~56%. Dòng active có thể giải ngân rải rác từ bây giờ đến trước 21/09/2026 (đón đầu sự kiện). Còn dòng passive của ETF bám chỉ số sẽ mua theo từng đợt (tranches) vào các ngày hiệu lực mà FTSE công bố sau kỳ interim 3/2026; mô hình triển khai thông thường là các quỹ cân danh mục sát phiên chốt trước “effective date”.

Tham chiếu tiền lệ để hình dung “điểm rơi” giao dịch: đợt nâng hạng Kuwait 2018 được FTSE chia 2 tranche và thực thi đúng ngày: 24/09/2018 (50%) và 24/12/2018 (50%); ETF thực hiện khớp lệnh quanh các mốc này thay vì mua ngay sau ngày công bố (nguồn tại [đây](#)). Điều này gợi ý rằng với Việt Nam, dòng thụ động sẽ bắt đầu từ 21/09/2026 trở đi (khi tranche 1 có hiệu lực) và tiếp tục theo lịch từng đợt mà FTSE sẽ công bố vào tháng 3/2026.

Trên tất cả, điều quan trọng nhất không chỉ là “nhãn” FTSE Secondary Emerging Market mà là **nhận thức và tầm nhìn của các nhà điều hành và cơ quan quản lý đối với vai trò của thị trường vốn, bao gồm cam kết và những nỗ lực thực tế** giúp thị trường vốn phát triển hơn, đúng nghĩa đóng vai trò là 1 kênh huy động và phân bổ vốn trung dài hạn cho nền Kinh Tế.

FTSE Russell phân loại thị trường chứng khoán theo 4 nhóm: Developed, Advanced Emerging, Secondary Emerging và Frontier. **Khi một thị trường được nâng hạng (ví dụ từ Frontier lên Secondary Emerging), các cổ phiếu thuộc thị trường đó sẽ rời khỏi bộ chỉ số Frontier và được thêm vào bộ chỉ số thị trường mới nổi tương ứng.** Điều này diễn ra vào kỳ điều chỉnh định kỳ gần nhất sau thông báo nâng hạng, thường kèm thời gian báo trước ít nhất 6 tháng.

Ví dụ, FTSE đã thông báo Kuwait được thăng hạng lên Secondary Emerging từ tháng 9/2018, đồng nghĩa Kuwait không còn thuộc nhóm Frontier nữa. Việc triển khai thường được FTSE chia thành nhiều đợt (tranches) để giảm biến động: trường hợp Kuwait được thêm vào chỉ số Emerging trong 2 đợt (tháng 9 và 12/2018) (Nguồn tại [đây](#)). Còn Saudi Arabia được thêm trong rất nhiều đợt kéo dài suốt năm 2019 do quy mô rất lớn (Nguồn tại [đây](#)).

Thực tế, *chia nhỏ lộ trình giúp giảm áp lực* bán ra ở các thị trường bị loại khỏi chỉ số Frontier và hạn chế biến động giá khi thêm cổ phiếu mới vào chỉ số Emerging. Quy định này nhằm đảm bảo tính nhất quán: mỗi thị trường chỉ thuộc một nhóm chỉ số duy nhất. Việc thực hiện thường trùng với kỳ rà soát định kỳ (ví dụ tháng 3 hoặc tháng 9) và được thông báo trước rõ ràng.

Nhìn chung, việc nâng hạng từ Frontier lên Emerging mang lại ảnh hưởng sâu rộng: các quy định chỉ số khiến danh mục quỹ ETF phải tái cơ cấu mạnh mẽ, tạo ra những đợt mua bán lớn của khối ngoại. Qua các ví dụ Kuwait, Pakistan, Morocco... có thể thấy dòng tiền ETF thường dịch chuyển theo hướng có lợi cho thị trường được nâng hạng (do dòng vào từ quỹ EM thường vượt dòng ra từ quỹ Frontier), nhưng tác động ngắn hạn có thể biến động tùy vào tỷ trọng và tâm lý nhà đầu tư. **Về dài hạn**, nâng hạng thường giúp cải thiện thanh khoản, thu hút thêm quỹ đầu tư chủ động nhờ độ mở thị trường tăng, và hỗ trợ định giá cổ phiếu tăng lên mức tương xứng với nhóm thị trường mới nổi.

Về các cổ phiếu tiềm năng khi Việt Nam được nâng hạng

Với các quỹ chủ động, mỗi quỹ đều sẽ có những tiêu chí đặc thù riêng, nhưng nhìn chung vẫn sẽ là những tiêu chí về Vốn hóa thị trường, tính thanh khoản, free-float và room cho nhà đầu tư ngoại.

Phương pháp luận của chúng tôi sẽ tập trung vào các tiêu chí của rổ chỉ số FTSE Emerging Market khi Việt Nam được nâng hạng, từ đó các **quỹ thụ động** sẽ mô phỏng theo cũng như thu hút dòng tiền đầu tư trên thị trường khi các tổ chức cùng nghiên cứu.

Index Characteristics

Attributes	FTSE Emerging
Number of constituents	2226
Net MCap (USDm)	7,550,838
Dividend Yield %	2.77
Constituent Sizes (Net MCap USDm)	
Average	3,392
Largest	735,981
Smallest	0
Median	771
Weight of Largest Constituent (%)	9.75
Top 10 Holdings (% Index MCap)	24.71

Tỷ trọng Market Cap của FTSE Emerging Index

Tại kỳ báo cáo như trong hình của rổ FTSE Emerging & FTSE Vietnam tại Frontier Market, Size tính theo Vốn Hóa Thị Trường **tập trung chủ đạo vào các cổ phiếu vốn hóa lớn**, như vậy việc không tập trung vào nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ là chiến thuật hợp lý hơn.

Thị trường FTSE Secondary Emerging vẫn phải tính toán FOL và foreign headroom theo quy tắc chung của FTSE Global Equity Index Series (GEIS) như các thị trường khác.

Về lọc cổ phiếu lựa chọn cho rổ, dựa theo những tài liệu chính thống của FTSE cũng như những nguồn tài liệu với độ uy tín cao, chúng tôi tổng hợp được những tiêu chí sau:

1, Vốn hóa thị trường tối thiểu: Cổ phiếu phải đạt mức vốn hóa thị trường có thể đầu tư tối thiểu (investable market cap, tức vốn hóa điều chỉnh theo free float) theo quy định của FTSE Russell. Ngưỡng này được xác định theo từng kỳ xem xét chỉ số. Ví dụ, từ kỳ tháng 3/2023, FTSE Russell áp dụng ngưỡng vốn hóa tối thiểu là **150 triệu USD** (tương ứng 3.960 ngàn tỷ VNĐ tại thời điểm tỷ giá này) để một cổ phiếu đủ điều kiện được thêm vào chỉ số FTSE Global All Cap (bao gồm các thị trường mới nổi). Nguồn: tại [Đây](#).

2, Tỷ lệ free float tối thiểu: Cụ thể, các công ty có tỷ lệ **free float ≤ 5% sẽ không được đưa vào** các chỉ số FTSE. Nói cách khác, nếu phần lớn cổ phần của công ty bị nắm giữ cố định bởi các cổ đông chiến lược (như Nhà nước, ban lãnh đạo, v.v.) và chỉ một tỷ lệ rất nhỏ cổ phiếu được tự do giao dịch trên thị trường, thì cổ phiếu đó không đạt tiêu chuẩn để lọt vào rổ FTSE Secondary Emerging Market. Nguồn: tại [Đây](#) trang số 4.

Index Characteristics

Attributes	FTSE Vietnam All-Share	FTSE Vietnam
Number of constituents	62	31
Net MCap (VNDm)	1,087,772,141	600,983,535
Dividend Yield %	1.56	1.17
Constituent Sizes (Net MCap VNDm)		
Average	17,544,712	19,386,566
Largest	103,265,043	83,839,034
Smallest	1,220,744	1,220,744
Median	9,796,709	10,463,286
Weight of Largest Constituent (%)	9.49	13.95
Top 10 Holdings (% Index MCap)	51.84	70.69

Tỷ trọng Market Cap của FTSE Vietnam

Nguồn: FTSE Russell & SHS Research 29/11/2024

3, Hạn chế sở hữu nước ngoài (FOL): Trường hợp thị trường hoặc cổ phiếu có giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài, FTSE sẽ tính toán tỷ lệ cổ phiếu có thể đầu tư dựa **trên giá trị nhỏ hơn giữa tỷ lệ free float và tỷ lệ FOL đó**. Ngoài ra, còn có yêu cầu về **“room” nước ngoài tối thiểu**: một cổ phiếu phải **còn ít nhất 20%** dư địa sở hữu cho nhà đầu tư nước ngoài so với giới hạn FOL của nó thì mới đủ tiêu chuẩn vào chỉ số. (Chỉ số “room” này được định nghĩa là phần trăm còn lại = (FOL - tỷ lệ sở hữu nước ngoài hiện tại) / FOL). Ví dụ, nếu một công ty có FOL = 49% và hiện nhà đầu tư nước ngoài đang nắm 39%, thì foreign headroom của cổ phiếu này ~20,41% = (49% - 39%)/49%. Tóm lại là nếu phần còn lại cho nhà đầu tư nước ngoài thấp hơn 20% giới hạn, cổ phiếu sẽ bị loại khỏi rổ FTSE do tính khả dụng đối với nhà đầu tư ngoại quá thấp. Nguồn: tại [Đây](#) trang số 4.

4, Yêu cầu về thanh khoản: Cụ thể, một cổ phiếu (chưa phải là thành phần chỉ số) **cần có khối lượng giao dịch đáp ứng ít nhất 0,050%** tổng số cổ phiếu lưu hành (sau khi đã điều chỉnh theo free float và giới hạn sở hữu nước ngoài) trong tối thiểu 10 trên 12 tháng trước đợt đánh giá. Nếu cổ phiếu không thỏa mãn tiêu chí median liquidity này (tức khối lượng giao dịch trung bình ngày mỗi tháng không đạt ngưỡng yêu cầu đủ 10 tháng), thì cổ phiếu sẽ không được thêm vào rổ chỉ số. Nguồn: tại [Đây](#) trang số 7.

Các điều kiện khác:

+ Tính liên tục trong giao dịch: Cổ phiếu phải được giao dịch thường xuyên. Những cổ phiếu bị ngừng giao dịch kéo dài (ví dụ: không có giao dịch trong ≥ 60 ngày giao dịch trong vòng một năm) sẽ không đủ điều kiện để được đưa vào chỉ số

+ Tình trạng niêm yết: Cổ phiếu đang thuộc diện cảnh báo, kiểm soát đặc biệt hoặc bị giám sát bởi sở giao dịch sẽ không được đưa vào rổ chỉ số cho đến khi tình trạng này được gỡ bỏ (và thường phải chờ ít nhất 12 tháng sau khi được gỡ cảnh báo để được xem xét lại).

+ Loại hình công ty và chứng khoán: Chỉ các công ty phát hành cổ phiếu phổ thông thuộc ngành kinh doanh thông thường mới đủ điều kiện. Những công ty có cấu trúc đặc thù như quỹ đầu tư nắm giữ cổ phần (ví dụ: Investment Trusts), các hình thức hợp danh (LP, LLP, MLP), công ty trách nhiệm hữu hạn (LLC) hay công ty phát triển kinh doanh (BDC)... đều không được đưa vào chỉ số FTSE. Điều này nhằm loại trừ các công ty dạng quỹ đầu tư hoặc cấu trúc pháp lý không phổ thông khỏi rổ thị trường.

Quy định của FTSE Russell về sàn niêm yết: Theo phương pháp tính của FTSE Russell, các cổ phiếu Việt Nam muốn được đưa vào rổ chỉ số FTSE (thuộc nhóm thị trường mới nổi thứ cấp – Secondary Emerging Market) phải đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE). Cụ thể, bộ quy tắc FTSE Vietnam Index Series quy định rằng tất cả cổ phiếu phổ thông có niêm yết đầy đủ trên HOSE mới đủ điều kiện để xét vào các chỉ số FTSE Vietnam. FTSE Russell không nêu đích danh "HOSE" trong tên sàn, nhưng điều kiện bắt buộc là niêm yết trên HOSE, do đó các cổ phiếu trên sàn khác sẽ không thuộc phạm vi xem xét. *Trang thông tin chính thức của FTSE Russell cũng mô tả rổ FTSE Vietnam Index Series là đại diện cho các công ty giao dịch trên HOSE.* Như vậy, FTSE Russell không xét duyệt cổ phiếu đang niêm yết trên HNX (Sở GDCK Hà Nội) cho các bộ chỉ số thị trường Việt Nam của họ, trừ khi cổ phiếu đó chuyển sang niêm yết trên HOSE. Nguồn: tại [Đây](#).

Cuối cùng là phải nhấn mạnh, FTSE Russell Tự Thu Thập & Tính Toán Dữ Liệu Theo Phương Pháp Riêng của họ. Điều này có nghĩa là FTSE Russell tự thu thập các thông tin cần thiết và tự tiến hành tính toán chỉ số dựa trên phương pháp luận riêng, thay vì phụ thuộc vào đơn vị bên ngoài để làm việc này. Họ xây dựng các Ground Rules (bộ nguyên tắc) cho từng bộ chỉ số, quy định tiêu chí lựa chọn cổ phiếu, cách tính trọng số, xử lý corporate action (sự kiện doanh nghiệp), v.v. Khi thị trường thay đổi, FTSE Russell sẽ áp dụng các quy tắc đó để tự động cập nhật danh mục và giá trị chỉ số. Chẳng hạn, FTSE Russell thường xuyên tham vấn thị trường về thay đổi phương pháp nhằm đảm bảo chỉ số phản ánh đúng yêu cầu nhà đầu tư, và họ sẽ điều chỉnh cách tính nếu cần thiết dựa trên phản hồi thị trường. Nói cách khác, FTSE Russell có đội ngũ và hệ thống riêng để thu thập dữ liệu và tính toán chỉ số theo phương pháp của mình – đây chính là công việc cốt lõi của một nhà cung cấp chỉ số.

NHƯNG: họ không tự tạo ra dữ liệu giá thị trường, mà sử dụng dữ liệu từ các tổ chức cung cấp dữ liệu tài chính bên thứ ba. Cụ thể, FTSE Russell dựa chủ yếu vào nguồn dữ liệu từ Refinitiv (trước đây là Thomson Reuters) – một hãng cung cấp dữ liệu tài chính lớn (Nguồn: tại [Đây](#) trang số 3). Bên cạnh Refinitiv, FTSE Russell có thể sử dụng dữ liệu từ các hãng khác như Bloomberg, FactSet, Morningstar, SIX Financial, v.v. nếu cần, nhằm đảm bảo độ đầy đủ và chính xác của thông tin. Tóm lại, khi cùng một thông tin có từ nhiều nguồn, FTSE Russell ưu tiên sử dụng nguồn chính thống và đáng tin cậy nhất.

LƯU Ý:

Các cổ phiếu thuộc thị trường Frontier không tự động chuyển lên danh mục Emerging, mà sẽ được xem xét lại từ đầu theo tiêu chí của thị trường mới. FTSE Russell quy định khi một quốc gia được nâng hạng, các cổ phiếu của nước đó được đối xử như cổ phiếu mới (**non-constituents**) trong đợt xét duyệt bổ sung vào chỉ số Emerging. Nguồn: tại [Đây](#) trang 3. Chỉ những cổ phiếu đạt đủ các ngưỡng yêu cầu mới được thêm vào rổ chỉ số Emerging, số còn lại sẽ không được đưa vào (và đồng thời sẽ bị loại khỏi rổ Frontier do thị trường đã nâng hạng). Chẳng hạn, trong đợt nâng hạng Qatar năm 2016, FTSE Russell xóa toàn bộ cổ phiếu Qatar khỏi chỉ số Frontier và xem tất cả như mới để kiểm tra thanh khoản và vốn hóa trước khi thêm vào danh mục Emerging, nguồn tại [Đây](#) trang 8.

Tiến hành lọc theo các tiêu chí tại thời điểm **02/10/2025**:

Mã CK	1, Vốn hóa thị trường Free Float/ (Triệu USD)	2, % Free Float	Khối lượng khối ngoại còn lại (Nghìn cp)	Khối lượng khối ngoại được sở hữu tối đa (Nghìn cp)	Giá trị khối ngoại có thể sở hữu tính theo Vốn Hóa Thị Trường (Triệu USD)	% Foreign Headroom	3, % FOL thực tế có thể sở hữu (Min 20%)	Giá trị có thể sở hữu tính theo Vốn Hóa Thị Trường (Triệu USD)	Khối lượng khớp lệnh tb hàng ngày (1 năm gần nhất) (Nghìn cp)	Khối lượng giao dịch Min mỗi ngày phải đạt (Nghìn cp)	4, Tiêu chí thanh khoản 0.05% (Đáp ứng được thì Dương)	Số CP lưu hành hiện thời (Nghìn cp)	Tỷ lệ sở hữu khối ngoại (%)
VIC	9,983	40%	1,721,363	1,863,311	11,150	92%	40%	9,983	6,484	861	5,624	3,853,016	3.66%
VHM	4,602	30%	1,665,271	2,053,706	6,220	81%	30%	4,602	9,660	833	8,827	4,107,412	9.46%
MSN	2,455	55%	1,150,236	1,520,492	3,551	76%	55%	2,455	7,793	575	7,218	1,445,915	24.35%
VNM	1,938	40%	1,065,764	2,089,955	2,471	51%	40%	1,938	4,169	533	3,636	2,089,955	49.01%
HPG	4,493	55%	2,314,727	3,760,978	2,464	62%	55%	4,493	36,946	1,157	35,789	7,675,466	18.84%
SSI	2,083	70%	1,307,133	2,077,906	1,874	63%	63%	1,872	27,857	654	27,203	2,075,915	37.09%
VND	958	75%	1,299,153	1,522,300	1,090	85%	75%	958	22,170	650	21,521	1,522,300	14.66%
VCI	691	60%	536,721	722,600	856	74%	60%	691	9,136	268	8,868	722,600	25.72%
GEX	1,297	70%	382,646	451,199	786	85%	70%	1,297	10,923	191	10,731	902,399	7.60%
SHB	2,071	70%	1,169,791	1,378,260	753	85%	70%	2,071	56,760	585	56,175	4,593,704	4.54%
FPT	5,051	85%	211,600	834,718	738	25%	25%	1,507	7,459	106	7,353	1,703,507	36.58%
VJC	1,442	50%	136,180	177,483	664	77%	50%	1,442	1,646	68	1,578	591,611	6.98%
POW	315	25%	1,088,171	1,147,517	585	95%	25%	315	9,915	544	9,371	2,341,872	2.53%
STB	3,982	95%	224,393	565,565	499	40%	40%	1,663	13,589	112	13,477	1,885,216	18.10%
DGC	792	60%	139,665	186,092	486	75%	60%	792	2,060	70	1,990	379,778	12.22%
KBC	812	65%	351,511	461,460	466	76%	65%	812	7,524	176	7,348	941,755	11.67%
NVL	744	65%	772,364	955,551	453	81%	65%	744	16,700	386	16,314	1,950,105	9.39%
SJS	502	65%	146,949	148,737	382	99%	65%	502	440	73	366	297,475	0.60%
VHC	230	50%	179,205	224,453	367	80%	50%	230	1,222	90	1,132	224,453	20.16%
BVH	456	30%	162,884	363,738	334	45%	30%	456	647	81	566	742,323	27.06%
HUT	274	40%	512,197	523,460	328	98%	40%	274	5,044	256	4,788	1,068,286	1.05%
MBS	167	20%	248,942	280,678	315	89%	20%	167	4,913	124	4,789	658,705	5.54%

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

Kết quả trên lọc bằng dữ liệu Fiin tại thời điểm báo cáo này xuất bản, có thể việc tính toán theo phương pháp riêng của họ sẽ ra một kết quả khác với sai số tương đối so với cách tính của chúng tôi, nên để an toàn nhất thì chúng ta cũng nên tập trung vào nhóm cổ phiếu vượt trội các tiêu chí đề ra.

Giải thích thêm thì:

- Cột tiêu chí số 1 màu cam đáp ứng >150 triệu USD (3.825 tỷ VNĐ), còn cột số 2 % Freefloat >5%
- Cột tiêu chí số 3 màu cam, có sự so sánh giữa freefloat & % foreign headroom để lấy số ít hơn.
- Cột tiêu chí số 4 màu cam yêu cầu Khối lượng giao dịch trung bình 10/12 tháng gần nhất lớn hơn hệ số của 0.05% * Khối lượng FOL thực tế có thể sở hữu.

Cần nhắc lại 1 lần nữa là cấu trúc FTSE EM thiên về large-cap; tập trung nhóm có free float cao, headroom đủ, room ngoại mở.

Chiến lược đầu tư tối ưu nhất vẫn là: ưu tiên mã vượt dư chuẩn; tránh mã sát ngưỡng (FOL “mấp mé” nhỉnh hơn mốc 20% một ít) vì chỉ cần 1–2 tháng kém thanh khoản/room đầy là không đủ điều kiện thêm mới/duy trì.

Kết luận: Vì chúng ta tập trung vào nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn như đã nói phía trên nên sẽ tập trung vào Top 12 rồi nghiên cứu thêm câu chuyện của nhóm ngành và doanh nghiệp sau đó:

1. **VIC**
2. **VHM**
3. **MSN**
4. **VNM**
5. **HPG**
6. **SSI**
7. **VND**
8. **VCI**
9. **GEX**
10. **SHB**
11. **FPT**
12. **VJC**

Ở lần lọc update này, FPT là điểm nhấn mới: FOL thực tế có thể sở hữu ~25% (vượt ngưỡng 20% tối thiểu), tuy chưa “rộng rãi”, nhưng đủ chuẩn thêm mới theo Ground Rules.

GEX, VJC: khá đáng chú ý khi thanh khoản 12 tháng tốt và room ngoại không quá căng, phù hợp bộ lọc “kỹ thuật chỉ số”.

Nguyen Minh Hanh
Head of Research
Hanh.nm@shs.com.vn

Vu Tuan Duy
Macro Analyst
Duy.vt@shs.com.vn

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Tất cả những thông tin, dữ liệu và phân tích trong tài liệu này đã được thu thập, tổng hợp và xử lý một cách cẩn trọng tại thời điểm công bố. Tuy nhiên, SHS Research và tác giả không cam kết tính đầy đủ, chính xác tuyệt đối hay cập nhật liên tục của các thông tin được sử dụng. Mọi nội dung trình bày hoàn toàn không đại diện cho quan điểm chính thức của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán SHS, trừ khi có ghi rõ.

Các quan điểm, mô hình và nhận định trong báo cáo phản ánh đánh giá chuyên môn độc lập của nhóm phân tích tại thời điểm viết, dựa trên các giả định cụ thể về bối cảnh kinh tế, chính sách và thị trường. Báo cáo này không cấu thành khuyến nghị đầu tư, lời mời gọi giao dịch, hay cam kết hiệu quả tài chính đối với bất kỳ loại tài sản nào, bao gồm nhưng không giới hạn ở cổ phiếu, trái phiếu, ngoại tệ, hàng hóa, bất động sản hoặc các sản phẩm tài chính phái sinh.

Các nội dung trong báo cáo cũng không phải là tài liệu tư vấn chính sách chính thức, và không nhằm thay thế cho đánh giá độc lập của các cơ quan hoạch định hoặc các tổ chức ra quyết định điều hành kinh tế. Mọi phân tích về chính sách công chỉ mang tính tham khảo về mặt logic truyền dẫn và kịch bản giả định, không mang tính chỉ đạo hay phản biện chính sách cụ thể.

Chúng tôi khuyến nghị người đọc – dù là nhà đầu tư tổ chức, cá nhân hay cán bộ hoạch định chính sách – cần tự đánh giá độ phù hợp của thông tin với mục tiêu sử dụng, khẩu vị rủi ro, và bối cảnh pháp lý/kinh tế tại thời điểm xem xét. Các dự báo trong báo cáo mang tính mô hình, có thể thay đổi đáng kể khi các yếu tố đầu vào hoặc định hướng chính sách thay đổi.

Tài liệu này không được sử dụng để xây dựng hồ sơ chào bán chứng khoán, truyền thông tiếp thị sản phẩm tài chính, hoặc làm căn cứ pháp lý nếu không có phê duyệt rõ ràng từ Công ty Cổ Phần Chứng Khoán SHS.

Mọi hành vi sao chép, chia sẻ, trích dẫn một phần hoặc toàn bộ báo cáo cần tuân thủ quy định về bản quyền.

MỌI THÔNG TIN XIN VUI LÒNG LIÊN HỆ

Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội Số 41
Ngô Quyền, phường Cửa Nam, Tp.
Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888

Fax: (84-24)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao Ốc Sài Gòn Metropolitan
Số 235 Đồng Khởi, P. Sài Gòn, Q1,
Tp. Hồ Chí Minh

Tel: (84-8)-3915 1368

Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2 Số 03
Lê Đình Lý, p. Thanh Khê, Tp. Đà
Nẵng

Tel: (84-511)-352 5777

Fax: (84-511)-352 5779



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)

-  Website: shs.com.vn
-  Tel: 84.24.38181888
-  Email: contact@shs.com.vn



GIAO DỊCH NGAY CÙNG SHS

App trading: SHTrading

Bảng giá: sboard.shs.com.vn

Web trading: trading.shs.com.vn